

Số: /QĐ-SKHCHN

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dạy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng”

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 và các Nghị định thi hành;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCHN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố năm 2023;

Căn cứ: Biên bản họp Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố được thành lập theo Quyết định số 727/QĐ-SKHCHN ngày 24/11/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ; Biên bản họp thẩm định kinh phí ngày 11/3/2026 của của Tổ thẩm định kinh phí được thành lập theo Quyết định số 150/QĐ-SKHCHN ngày 03/3/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ; Báo cáo giải trình của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ ngày 18/3/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp thành phố với những nội dung sau:

1. Tên Đề tài: Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Mã số: ĐT.YD.2025.994.

3. Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ: GS, TS. Phạm Minh Khuê, Phó Trưởng Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Mục tiêu khoa học: Đánh giá thực trạng dậy thì sớm, nghiên cứu can thiệp và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Nội dung và quy mô nghiên cứu:

6.1. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu.

6.2. Đánh giá thực trạng dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng quy trình sàng lọc dậy thì sớm.

- Sàng lọc dấu hiệu dậy thì sớm cho học sinh tiểu học.

- Xác định tỷ lệ hiện mắc và đặc điểm dịch tễ dậy thì sớm trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6.3. Đánh giá một số yếu tố liên quan đến dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng bộ công cụ thu nhập thông tin về yếu tố liên quan.

- Phân tích các yếu tố liên quan đến dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6.4. Nghiên cứu can thiệp và đánh giá hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Nghiên cứu can thiệp truyền thông cho nhóm nguy cơ cao mắc dậy thì sớm.

- Xây dựng quy trình điều trị cho trẻ dậy thì sớm.

- Nghiên cứu can thiệp điều trị cho trẻ dậy thì sớm.

- Đánh giá hiệu quả can thiệp.

- Hoàn thiện quy trình điều trị cho trẻ dậy thì sớm.

6.5. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Giải pháp về truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng

- Giải pháp về nâng cao năng lực sàng lọc và kết nối mạng lưới y tế học đường.

- Giải pháp về chuyên môn và quản lý điều trị.
- Giải pháp về quản lý.

(Nội dung và quy mô nghiên cứu cụ thể theo thuyết minh được duyệt)

7. Sản phẩm khoa học:

- Thực trạng dạy thì sớm (gồm bộ số liệu và đánh giá thực trạng), một số yếu tố liên quan và kết quả can thiệp dạy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hệ thống các giải pháp/nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dạy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Bài báo khoa học: 01 - 03 bài báo trong nước.
- Kết quả tham gia đào tạo: 01 nghiên cứu sinh.
- Báo cáo tổng kết và các báo cáo thành phần.

8. Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 24 tháng, từ tháng 4/2026 đến tháng 3/2028.

9. Kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 5.157.000.000 đồng *(Năm tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu đồng)*. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 3.379.000.000 đồng *(Ba tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu đồng)*.

+ Nguồn ngoài ngân sách nhà nước khác: 1.778.000.000 đồng *(Một tỷ, bảy trăm bảy mươi tám triệu đồng)*.

- Phương thức khoán chi: Khoán từng phần, trong đó:

+ Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: 1.923.677.500 đồng *(Một tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)*.

+ Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: 1.455.322.500 đồng *(Một tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng)*.

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT. QLKH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cao Thắng

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP THÀNH PHỐ**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng năm 2026
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)

Tên Đề tài: Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dạy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Mã số: ĐT.YD.2025.994

Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Đvt: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
I	Chi thù lao thực hiện đề tài:	1.195.920	0	1.195.920	1.195.920	0			
1	Nội dung 1: Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu	80.640		80.640	80.640				
	Thành viên chính	57.600		57.600	57.600		0,8	1	2,0
	Thành viên	23.040		23.040	23.040		0,4	2	1,6
2	Nội dung 2: Đánh giá thực trạng dạy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	216.000		216.000	216.000				
2.1	Công việc 2.1: Xây dựng quy trình sàng lọc dạy thì sớm	43.200		43.200	43.200				
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	14.400		14.400	14.400		0,4	1	1,0
2.2	Công việc 2.2: Sàng lọc dấu hiệu dạy thì sớm cho học sinh tiểu học	100.800		100.800	100.800				
	Thành viên chính	57.600		57.600	57.600		0,8	1	2,0
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	2	2,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	14.400		14.400	14.400		0,2	2	2,0
2.3	Công việc 2.3: Xác định tỷ lệ hiện mắc và đặc điểm dịch tễ dạy thì sớm trên địa bàn thành phố Hải Phòng	72.000		72.000	72.000				
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	2	2,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân	14.400		14.400	14.400		0,2	2	2,0

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	viên hỗ trợ								
3	Nội dung 3: Đánh giá một số yếu tố liên quan đến dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	154.800		154.800	154.800				
3.1	Công việc 3.1: Xây dựng bộ công cụ thu nhập thông tin về yếu tố liên quan	57.600		57.600	57.600				
	Thành viên chính	43.200		43.200	43.200		0,8	1	1,5
	Nhóm thành viên	14.400		14.400	14.400		0,4	2	1,0
3.2	Công việc 3.2: Phân tích các yếu tố liên quan đến dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	97.200		97.200	97.200				
	Thành viên chính	57.600		57.600	57.600		0,8	1	2,0
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	3	2,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	10.800		10.800	10.800		0,2	3	1,5
4	Nội dung 4: Nghiên cứu can thiệp và đánh giá hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	324.000		324.000	324.000				
4.1	Công việc 4.1: Nghiên cứu can thiệp truyền thông cho nhóm nguy cơ cao mắc dậy thì sớm	50.400		50.400	50.400				
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	14.400		14.400	14.400		0,4	2	1,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	7.200		7.200	7.200		0,2	2	1,0
4.2	Công việc 4.2: Xây dựng quy trình điều trị cho trẻ dậy thì sớm	50.400		50.400	50.400				
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	14.400		14.400	14.400		0,4	2	1,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	7.200		7.200	7.200		0,2	2	1,0
4.3	Công việc 4.3: Nghiên cứu	122.400		122.400	122.400				

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	can thiệp điều trị cho trẻ dậy thì sớm								
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	72.000		72.000	72.000		0,4	5	5,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	21.600		21.600	21.600		0,2	3	3,0
4.4	Công việc 4.4: Đánh giá hiệu quả can thiệp	50.400		50.400	50.400				
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	14.400		14.400	14.400		0,4	2	1,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	7.200		7.200	7.200		0,2	2	1,0
4.5	Công việc 4.5: Hoàn thiện quy trình điều trị cho trẻ dậy thì sớm	50.400		50.400	50.400				
	Thành viên chính	28.800		28.800	28.800		0,8	1	1,0
	Nhóm thành viên	14.400		14.400	14.400		0,4	5	1,0
	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	7.200		7.200	7.200		0,2	3	1,0
5	Nội dung 5: Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	195.840		195.840	195.840				
5.1	Công việc 5.1: Giải pháp về truyền thông và giáo dục sức khỏe cộng đồng	48.960		48.960	48.960				
	Thành viên chính	20.160		20.160	20.160		0,8	1	0,7
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	3	2,0
5.2	Công việc 5.2: Giải pháp về nâng cao năng lực sàng lọc và kết nối mạng lưới y tế học đường	48.960		48.960	48.960				
	Thành viên chính	20.160		20.160	20.160		0,8	1	0,7
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	3	2,0
5.3	Công việc 5.3: Giải pháp về chuyên môn và quản lý điều trị	48.960		48.960	48.960				
	Thành viên chính	20.160		20.160	20.160		0,8	1	0,7

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	3	2,0
5.4	Công việc 5.4: Giải pháp về quản lý	48.960		48.960	48.960				
	Thành viên chính	20.160		20.160	20.160		0,8	1	0,7
	Nhóm thành viên	28.800		28.800	28.800		0,4	3	2,0
6	Thù lao chủ nhiệm đề tài: 24 tháng x 20% x 1 x 36.000.000 đồng/tháng	172.800		172.800	172.800				
7	Thù lao thư ký đề tài: 24 tháng x 20% x 0,3 x 36.000.000 đồng/ tháng	51.840		51.840	51.840				
II	Thuê chuyên gia	60.000	0	60.000	60.000	0			
III	Nguyên vật liệu, năng lượng	0	0	0	0	0			
IV	Thiết bị, máy móc	0	0	0	0	0			
V	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0	0			
VI	Chi khác	3.901.080	1.778.000	2.123.080	667.757,5	1.455.322,5			
1	Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	100.000	0	100.000	100.000	0			
2	Nội dung 2: Đánh giá thực trạng dạy thì số ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	854.600	0	854.600	162.000	692.600			
2.1	Lập mẫu phiếu điều tra: trên 30 chỉ tiêu đến dưới 40 chỉ tiêu:	1.000		1.000	1.000				
2.2	Thuê xe đi khám sàng lọc: 5 ngày/trường x 2.000.000 đồng/chuyên x 1 chuyến (đi và về) x 23 trường	230.000		230.000		230.000			
2.3	Công khám sàng lọc cho học sinh: 7 người/ngày x 5 ngày/trường x 23 trường x 200.000 đồng/ngày	161.000		161.000	161.000				
2.4	Hỗ trợ tiền khám và xét nghiệm sàng lọc cho 1.000 học sinh	462.600		462.600	0	462.600			
	Chi phí thuê xe đưa trẻ đến cơ sở khám: 23 trường x 5.000.000đ	115.000		115.000		115.000			

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	Kinh phí khám lâm sàng: 1.000 trẻ x 50.600 đồng/trẻ	50.600		50.600		50.600			
	Tiền LH cơ bản: 152.000/mẫu x 1.000 mẫu	152.000		152.000		152.000			
	Tiền chụp X-quang xương cổ và bàn tay trái" 145.000/mẫu x 1.000 mẫu	145.000		145.000		145.000			
3	Nội dung 3: Đánh giá một số yếu tố liên quan đến dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	194.000	0	194.000	73.000	121.000			
	Xây dựng mẫu phiếu điều tra các yếu tố liên quan đến học sinh và phụ huynh học sinh (trên 30 chỉ tiêu dưới 40 chỉ tiêu): 02 mẫu	3.000		3.000	3.000				
	Thuê xe đi điều tra các yếu tố liên quan: 2.000.000 đồng/chuyến x 23 trường/chuyến	46.000		46.000		46.000			
	Chi tiền cung cấp thông tin phiếu trên 30 chỉ tiêu dưới 40 chỉ tiêu: 1.500 phiếu x 50.000 đồng/phiếu	75.000		75.000		75.000			
	Tiền công đi điều tra/khảo sát: 300 công x 200.000 đồng/công	60.000		60.000	60.000				
	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát	10.000		10.000	10.000				
4	Nội dung 4: Nghiên cứu can thiệp và đánh giá hiệu quả can thiệp dậy thì sớm ở học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hải Phòng	2.469.754,5	1.778.000	691.754,5	50.032	641.722,5			
4.1	Tư vấn điều trị cho trẻ dậy thì sớm (100 trẻ, trong đó có 5 trẻ nam và 95 trẻ nữ)	2.419.722,5	1.778.000	641.722,5	0	641.722,5			
4.1.1	Hỗ trợ tiền xét nghiệm phục vụ điều trị	197.222,5		197.222,5	0	197.222,5			
^a	Xét nghiệm hormon hướng	30.125		30.125	0	30.125			

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	sinh dục và hormon sinh dục								
	FSH: 150.000 đồng/mẫu x 100 mẫu	15.000		15.000		15.000			
	Estradiol: 150.000 đồng/mẫu x 95 mẫu	14.250		14.250		14.250			
	Testosteron: 175.000 đồng/mẫu x 5 mẫu	875		875		875			
b	Nghiệm pháp kích thích GnRH: 25 trẻ x 1 lọ/trẻ x 2.556.900 đồng/lọ	63.922,5		63.922,5		63.922,5			
c	Siêu âm đo kích thước tử cung- buồng trứng: 250.000 đồng/mẫu x 95 mẫu	23.750		23.750		23.750			
d	Siêu âm tuyến vú (trẻ nữ): 195.000 đồng/trẻ x 95 trẻ	18.525		18.525		18.525			
e	Huyết học: 93.000 đồng/mẫu x 100 mẫu	9.300		9.300		9.300			
f	Sinh hóa máu (Ure, creatinin, GOT, GPT, protein, allumin, điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Canxi toàn phần, Canxi ion hóa, CRP): 12 chỉ số x 43.000 đồng/chỉ số x 100 mẫu	51.600		51.600		51.600			
4.1.2	Tiền thuốc điều trị cho 100 trẻ (NSNN hỗ trợ 20%, Bảo hiểm y tế chi trả: 80%): 1 trẻ/ 1 lọ x 5 lần x 100 trẻ x 2.556.900 đồng/lọ x 20% (tên thuốc Triptorelin 3,75mg - biệt dược Diphereline 3,75mg)	1.278.450	1.022.760	255.690		255.690			
4.1.3	Tái khám sau điều trị: 100 trẻ x 5 lần/trẻ x 50.600 đồng/lần (NSNN hỗ trợ 20%, Bảo hiểm y tế chi trả: 80%)	25.300	20.240	5.060		5.060			
4.1.4	Tiền xét nghiệm theo dõi điều trị: 100 trẻ (5 trẻ nam, 95 trẻ nữ) x 1 tháng/ lần x 5 tháng x 1 mẫu/1 lần = 500 mẫu (NSNN hỗ trợ 20%, Bảo hiểm y tế chi trả: 80%)	918.750	735.000	183.750		183.750			

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
a	Xét nghiệm hormon hướng sinh dục và hormon sinh dục	226.625	181.300	45.325		45.325			
	FSH: 150.000 đồng/mẫu x 500 mẫu	75.000	60.000	15.000		15.000			
	LH cơ bản: 152.000 đồng/mẫu x 500 mẫu	76.000	60.800	15.200		15.200			
	Estradiol: 150.000 đồng/mẫu x 475 mẫu	71.250	57.000	14.250		14.250			
	Testosteron: 175.000 đồng/mẫu x 25 mẫu	4.375	3.500	875		875			
b	Chụp X-quang xương cổ và bàn tay trái: 100 trẻ x 1 tháng/1 lần/1 mẫu x 5 tháng x 145.000 đồng/ mẫu	72.500	58.000	14.500		14.500			
c	Siêu âm đo kích thước tử cung- buồng trứng: 250.000 đồng/mẫu x 95 trẻ x 1 tháng/ 1 lần/ 1 mẫu x 5 tháng	118.750	95.000	23.750		23.750			
d	Siêu âm tuyến vú (trẻ nữ): 195.000 đồng/trẻ x 95 trẻ x 1 tháng/ 1 lần/ 1 mẫu x 5 tháng	92.625	74.100	18.525		18.525			
e	Siêu âm tuyến thượng thận: 195.000 đồng/mẫu x 100 trẻ x 1 tháng/1 lần/1 mẫu x 5 tháng	97.500	78.000	19.500		19.500			
f	Siêu âm Doppler tinh hoàn: 250.000 đồng/mẫu x 5 trẻ nam x1 tháng/ 1 lần/ 1 mẫu x 5 tháng	6.250	5.000	1.250		1.250			
g	Huyết học: 93.000 đồng/mẫu x 100 trẻ x 1 tháng/1 lần/ 1 mẫu x 5 tháng	46.500	37.200	9.300		9.300			
h	Sinh hóa máu (Ure, creatinin, GOT, GPT, protein, allumin, điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Canxi toàn phần, Canxi ion hóa, CRP): 12 chỉ số x 43.000 đồng/chỉ số x 100 trẻ x 1 tháng/1 lần/1 mẫu x 5 tháng	258.000	206.400	51.600		51.600			
4.2	Can thiệp truyền thông: in tờ rơi 2.000 đồng/tờ x 21.566 tờ +300.000 đồng/áp phích/	50.032		50.032	50.032				

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	trường x 23 trường								
5	Chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (02 buổi)	25.400		25.400	25.400				
5.1	Chi tiền hợp	20.800		20.800	20.800				
	Chủ tịch hội đồng: 800.000 đồng/người/buổi x 2 buổi	1.600		1.600	1.600				
	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng: 600.000 đồng/người/buổi x 6 người/buổi x 2 buổi	7.200		7.200	7.200				
	Thư ký khoa học: 150.000 đồng/người/buổi x 2 buổi	300		300	300				
	Thư ký hành chính: 150.000 đồng/người/buổi x 2 buổi	300		300	300				
	Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/buổi x 30 người/buổi x 2 buổi	6.000		6.000	6.000				
	Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi x 37 người/buổi x 2 buổi	3.700		3.700	3.700				
	Chi tiền hội trường, khánh tiết: 500.000 đồng/buổi x 2 buổi	1.000		1.000	1.000				
	Chi tiền tài liệu: 350.000 đồng/buổi x 2 buổi	700		700	700				
5.2	Chi nhận xét, đánh giá	4.600		4.600	4.600				
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng: 05 phiếu nhận xét đánh giá/buổi x 300.000 đồng/phiếu x 2 buổi	3.000		3.000	3.000				
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện Hội đồng: 02 phiếu nhận xét đánh giá/buổi x 400.000 đồng/phiếu x 2 buổi	1.600		1.600	1.600				
6	Hội thảo khoa học (12 buổi)	205.800		205.800	205.800				
	Người chủ trì hội thảo: 2.000.000 đồng/người/buổi x 1 người/buổi x 15 buổi	24.000		24.000	24.000				

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn khác	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố			Ghi chú		
				Tổng	Khoán chi	Không khoán chi	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh
	Thư ký hội thảo: 500.000 đồng/người/buổi x 1 người/buổi x15 buổi	6.000		6.000	6.000				
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 03 báo cáo/buổi x 2.000.000 đồng/báo cáo x 15 buổi	72.000		72.000	72.000				
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 02 báo cáo/buổi x 1.500.000 đồng/báo cáo x 15 buổi	36.000		36.000	36.000				
	Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/người/buổi x 20 người/buổi x 15 buổi	48.000		48.000	48.000				
	Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi x 27 người/buổi x 15 buổi	16.200		16.200	16.200				
	Chi tiền tài liệu: 300.000 đồng/buổi x 15 buổi	3.600		3.600	3.600				
7	Tuyên truyền	35.000		35.000	35.000				
8	Văn phòng phẩm và in ấn	16.525,5		16.525,5	16.525,5				
	Tổng số	5.157.000	1.778.000	3.379.000	1.923.677,5	1.455.322,5			